TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2018
"V/v ly hôn giữa chị H và anh V"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÂM – TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kháng

2. Bà Nguyễn Thị Ngà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tươi – Thư ký tòa án nhân dân huyện Văn Lâm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên: Bà Phạm Thị Phượng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 về "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị Thu H – SN 1992 (có mặt)
Địa chỉ: Xóm 6, xã T, thành phố B, tỉnh Thái Bình

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Hà Phú V – SN 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu tập thể địa chất thị trấn Q, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

*** Người làm chứng:** Bà Hà Thị L – SN 1959 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu tập thể địa chất thị trấn Q, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2018 và lời khai trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Hà Phú V quen biết nhau từ ngày 30/4/2017 do được người thân hai bên giới thiệu và mai mối. Anh chị kết hôn

kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố B, tỉnh Thái Bình ngày 19/6/2017. Anh chị kết hôn khi chưa có tình yêu nhưng có suy nghĩ là cuộc sống chung sau này sẽ tốt đẹp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh V được sáu tháng nhưng không hạnh phúc, vợ chồng không hòa hợp, không hiểu và thông cảm với nhau nên vợ chồng sống ly thân được hai tháng thì chị làm đơn xin ly hôn và về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay. Chị xác định không có tình cảm vợ chồng với anh V nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung, chị H trình bày: Vợ chồng chị không có con chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị H trình bày vợ chồng chị không nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ruộng nông nghiệp: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của bị đơn là anh Nguyễn Hà Phú V thống nhất với lời khai của chị H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, công sức và ruộng nông nghiệp. Anh V đồng ý ly hôn với chị Hà.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với bị đơn là anh Nguyễn Hà Phú V không chấp hành triệu tập của Tòa án nên xác định anh Việt không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn với anh V.

Về con chung; Về công nợ chung; Tài sản chung; Công nợ chung; Công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm nhận định:

I/ Về tố tụng: Anh Nguyễn Hà Phú V vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh V. Anh V đã có quan điểm xin được vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II/ Về nội dung:

[1]. Về hôn nhân: Chị H và anh Vkết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố B, tỉnh Thái Bình ngày 19/6/2017 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Lời khai của chị H và anh V đều cho thấy vợ chồng anh chị mặc dù mới kết hôn nhưng không có hạnh phúc. Vợ chồng chúng sống với nhau được một thời gian ngắn thì ly thân và không còn chung sống cùng với nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phiên họp hòa giải nhưng anh V đều vắng mặt không có lý do. Quan điểm của anh V là đồng ý ly hôn với chị H. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn của vợ chồng anh chị thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn duy trì cuộc sống chung nên mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, cho H được ly hôn với anh Việt

[2] Về con chung: Vợ chồng chị H không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về công nợ: Chị H và anh Việt đều xác định vợ chồng không nợ ai, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản: Chị H và anh V đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không đề nghị nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về công sức và ruộng nông nghiệp: Chị H và anh V không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hà phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H. Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Hà Phú V.

2. Về con chung: Chị H và anh V không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung vợ chồng, về công nợ, về công sức và ruộng nông nghiệp không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ tạm ứng án phí đã nôp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 014829 ngày 04/01/2018, chị H đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án và người phải thi hành ánh có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V
- UUBND xã T
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Hoàng Lâm